TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuỷ Khơi, bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mông Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982 (có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ba Hương, xã Trà Đông, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

3. Người đại diện theo uỷ quyền (để giao nhận văn bản tố tụng) của nguyên đơn:

Anh Bùi Đức Đ, sinh năm 2003 (có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Số 3, ngõ 115 đường N, phường Y, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào năm 2007, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến giữa năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc

sống. Chị T đã chuyển về quê ngoại tại thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sinh sống, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau đã hơn 10 năm nay. Nay anh thấy vợ chồng ly thân đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trí H, sinh ngày 28/4/2008. Hiện nay con đang ở với mẹ, khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Anh và chị T đã thống nhất để chị T là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị xác nhận thời điểm kết hôn và việc vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện B, tỉnh Quảng Nam như anh D khai là đúng sự thật. Vợ chồng chung sống với nhau từ khi cưới đến khoảng giữa năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống. Chị đưa con về quê ở thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng sinh sống và ly thân với anh D từ năm 2010 đến nay. Hiện tại hai bên không còn quan tâm, quan hệ tình cảm gì nữa. Nay anh D có nguyện vọng ly hôn thì chị nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trí H, sinh ngày 28/4/2008. Hiện nay con đang ở với chị, cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Chị và anh D đã thống nhất để chị là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Trí H trình bày:

Cháu là con của mẹ Nguyễn Thị T và bố là Nguyễn Văn D. Hiện nay cháu đang học lớp 10 trường PTTH Yên Dũng số 3. Cháu sống cùng với mẹ và ông bà ngoại tại thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang từ nhỏ đến giờ, cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Việc bố mẹ mâu thuẫn với nhau thế nào thì cháu không rõ, trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì hiện tại mẹ là người nuôi dạy cháu, cháu đã quen ở với mẹ.

Toà án đã mở phiên hoà giải nhưng cả anh D và chị T đều có đơn đề nghị vắng mặt nên không thể hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với chị T. Chị T quan điểm đồng ý ly hôn anh D và nhất trí nuôi con chung sau ly hôn.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký tòa án đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Trí H, sinh ngày 28/4/2008. Anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn D là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền anh D đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn D là người có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với chị Nguyễn Thị T. Bị đơn chị Nguyễn Thị T là người có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D và chị T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào năm 2007 trên tinh thần tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam *(Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do UBND xã T*

cấp ngày 15/11/2007). Do vậy xác định quan hệ giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ lời khai của các bên và tài liệu xác minh, thu thập trong hồ sơ cho thấy: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ khi cưới đến giữa năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về tính cách và không hoà hợp trong đời sống tình cảm. Chị T đưa con về quê ngoại tại thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sống ly thân với anh D từ năm 2010 đến nay, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm gì đến nhau nữa, vấn đề này cả hai bên đều thừa nhận.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định về việc vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, cụ thể:

"Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Như vậy, trong thời gian rất dài (13 năm) vợ chồng anh D – chị T không ở cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía anh D kiên quyết xin ly hôn, phía chị T nhất trí ly hôn. Qua đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho vợ chồng anh chị được ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là Nguyễn Trí H, sinh ngày 28/4/2008. Hiện nay con đang ở cùng mẹ, khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Nay anh D và chị T đều thống nhất để chị T là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, nguyện vọng của cháu Hoàng cũng muốn được ở với mẹ, do vậy cần giao con chung cho chị T là người trực tiếp quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Do anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn D là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Trí H, sinh ngày 28/4/2008.

Anh Nguyễn Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000471 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- UBND xã T, B, Quảng Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn